

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ**  
**GIAO NHẬN VẬN TẢI**  
**XÉP DỠ TÂN CẢNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 37

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (Nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

### Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2025

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc	Ngày 26 tháng 02 năm 2020
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	Ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	Ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 02 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường.

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 06 tháng 3 năm 2026

Số: 2.0176/26/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2026, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Thành viên Ban Giám đốc**  
*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1794-2023-008-1*  
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026



**Lương Nhật Vũ - Kiểm toán viên**  
*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 6256-2023-008-1*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>690.377.782.382</b>	<b>627.774.700.587</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>142.664.463.056</b>	<b>45.012.198.445</b>
1. Tiền	111		46.664.463.056	12.012.198.445
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.000.000.000	33.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>225.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	225.000.000.000	145.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>306.649.482.090</b>	<b>421.332.408.116</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	275.314.431.474	413.240.846.038
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.227.542.469	2.383.245.912
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	23.761.415.890	6.362.223.909
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(653.907.743)	(653.907.743)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.796.628.316</b>	<b>13.096.217.340</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	13.796.628.316	13.096.217.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.267.208.920</b>	<b>3.333.876.686</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.267.208.920	1.391.159.089
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.942.717.597
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Công, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>435.161.160.244</b>	<b>431.588.447.110</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.675.300.000</b>	<b>17.991.300.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.675.300.000	17.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>221.852.887.232</b>	<b>244.068.740.252</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	200.272.898.960	221.945.394.142
<i>Nguyên giá</i>	222		842.632.181.751	839.328.683.091
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(642.359.282.791)	(617.383.288.949)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.579.988.272	22.123.346.110
<i>Nguyên giá</i>	228		28.941.911.391	28.691.911.391
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.361.923.119)	(6.568.565.281)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>29.790.216.377</b>	<b>3.408.141.075</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.790.216.377	3.408.141.075
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>142.764.577.974</b>	<b>134.534.134.514</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.440.000.000	21.440.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		97.120.000.000	97.120.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.274.902.026)	(10.505.345.486)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.078.178.661</b>	<b>31.586.131.269</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	31.078.178.661	31.586.131.269
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.125.538.942.626</b>	<b>1.059.363.147.697</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>484.895.434.049</b>	<b>466.268.517.162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>409.000.573.945</b>	<b>428.325.190.406</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	254.914.614.675	280.119.425.732
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.238.902.070	507.226.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	18.389.911.162	12.064.023.975
4. Phải trả người lao động	314		37.139.009.308	31.117.950.761
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	34.942.885.352	20.216.180.907
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	29.817.831.197	33.617.934.274
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.811.700.252	32.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	30.745.719.929	18.432.736.362
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>75.894.860.104</b>	<b>37.943.326.756</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	75.894.860.104	36.131.626.504
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	-	1.811.700.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>640.643.508.577</b>	<b>593.094.630.535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>640.643.508.577</b>	<b>593.094.630.535</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		242.080.432.449	198.737.225.616
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.266.589.790	72.060.918.581
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	72.060.918.581
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76.266.589.790	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.125.538.942.626</b>	<b>1.059.363.147.697</b>

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.777.479.834.068	1.580.861.351.721
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.777.479.834.068	1.580.861.351.721
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.533.408.633.412	1.338.011.635.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		244.071.200.656	242.849.716.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.883.426.900	25.761.839.918
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(7.260.686.170)	2.638.101.316
Trong đó: chi phí lãi vay	23		522.155.654	503.814.945
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	32.298.186.107	30.236.949.367
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	70.480.355.186	68.877.484.257
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.436.772.433	166.859.021.353
11. Thu nhập khác	31		235.322.654	6.936.667
12. Chi phí khác	32		3.075.156	23.403.870
13. Lợi nhuận khác	40		232.247.498	(16.467.203)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.669.019.931	166.842.554.150
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	33.191.663.820	30.468.150.951
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>144.477.356.111</u>	<u>136.374.403.199</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	177.669.019.931	166.842.554.150
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 VI.8	24.617.637.625	24.986.299.848
- Các khoản dự phòng	03 VI.4, 6	(8.230.443.460)	2.237.994.833
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	446.370.299	(81.021)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.946.554.661)	(25.741.678.480)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	522.155.654	503.814.945
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	166.078.185.388	168.828.904.275
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	135.957.191.587	(184.380.911.203)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(700.410.976)	(179.569.077)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.784.101.564	96.461.661.858
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(368.097.223)	(1.152.498.928)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(543.153.196)	(503.814.945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.12	(31.648.681.708)	(31.584.210.458)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.16	23.000.000	70.480.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.16	(13.345.417.248)	(23.383.259.618)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>294.236.718.188</b>	<b>24.176.781.904</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(40.650.662.211)	(7.388.415.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	207.510.101	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(119.000.000.000)	(85.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.000.000.000	78.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.939.239.120	25.951.393.549
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(92.503.912.990)</b>	<b>11.562.978.051</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-	25.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(32.249.712.000)	(7.249.712.000)	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(71.298.872.788)	(70.090.002.183)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(103.548.584.788)</b>	<b>(52.339.714.183)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>98.184.220.410</b>	<b>(16.599.954.228)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>45.012.198.445</b>	<b>61.612.071.652</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(531.955.799)	81.021		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>142.664.463.056</b>	<b>45.012.198.445</b>		

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

###### *Các Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	Hạ Đoạn, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	24,39%	24,39%	24,39%

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 282 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 288 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

LAGB  
ING T  
TOÁN  
A  
CHI  
HÀ  
G V

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu (vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa), giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa được bảo quản ở trạng thái bình thường. Do đó, Công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

15-  
Y T  
VÀ  
C  
HÀ  
N  
N  
5-7

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

### **Chi phí xây dựng kho bãi**

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

## **7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 38
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

## **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

02-C  
NHH  
TU V  
H  
P. H

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Công ty phải gánh chịu.

## 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 13. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 16. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.234.837	12.993.298
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.658.228.219	11.999.205.147
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	96.000.000.000	33.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>142.664.463.056</b>	<b>45.012.198.445</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 4% - 7,7%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc	225.000.000.000	145.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>21.440.000.000</b>	-	<b>21.440.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	21.440.000.000	-	21.440.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>97.120.000.000</b>	<b>(2.274.902.026)</b>	<b>97.120.000.000</b>	<b>(10.505.345.486)</b>
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33.120.000.000	(2.274.902.026)	33.120.000.000	(10.505.345.486)
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>26.479.480.000</b>	-	<b>26.479.480.000</b>	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	11.812.500.000	-	11.812.500.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14.666.980.000	-	14.666.980.000	-
<b>Cộng</b>	<b>145.039.480.000</b>	<b>(2.274.902.026)</b>	<b>145.039.480.000</b>	<b>(10.505.345.486)</b>

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	2.295.200	51,00%	2.295.200	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	5.400.000	36,00%	5.400.000	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.312.000	36,00%	3.312.000	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	1.000.000	20,00%	1.000.000	20,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (*)	4.697.819		3.094.743	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	1.237.500	3,64%	1.237.500	3,64%

(\*) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Trong năm, Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu số với lượng 1.603.076 cổ phần.

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	118.854.820.700	77.678.053.065
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	37.743.750.000	44.302.500.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên kết**

Công ty con và các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.505.345.486	8.371.059.115
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.134.286.371
Hoàn nhập dự phòng	(8.230.443.460)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.274.902.026</b>	<b>10.505.345.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai</i></b>		
Cổ tức được chia	158.521.757	218.646.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	5.106.196.877	1.686.309.384
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	67.458.619.811	48.562.224.419
<b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng</i></b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	348.480.000	1.048.608.000
<b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành</i></b>		
Cổ tức được chia	13.500.000.000	13.500.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	360.000.000	360.742.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	360.889.666.013	333.044.086.891
<b><i>Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn</i></b>		
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	330.651.165.589	347.434.966.386
Mua vật tư của Công ty liên kết	13.348.323.903	15.693.340.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	496.256.900	2.639.066.400
Cổ tức được chia	1.143.207.540	824.766.240

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>251.388.528.046</i></b>	<b><i>390.468.594.587</i></b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	248.674.429.924	386.005.068.022
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	531.081.457	1.672.431.300
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	549.248.040	1.087.207.920
Công ty Cổ phần Vận tải Thuyền Tân Cảng	129.870.000	460.185.166
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	271.790.640	93.980.520
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	31.363.200	94.089.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	111.393.360	144.898.740
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	62.282.520	90.149.760
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	917.846.124	725.213.706
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	65.601.360
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	72.683.828	21.657.300
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	36.538.953	199.113
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	7.912.080
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>23.925.903.428</i></b>	<b><i>22.772.251.451</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>275.314.431.474</u></b>	<b><u>413.240.846.038</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina E&C	2.180.474.309	-
Công ty TNHH Tincons	1.448.393.400	-
Công ty TNHH Thương mại Đan Hưng	1.095.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	-	1.024.716.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Dan	-	674.942.400
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thịnh Long	945.000.000	200.598.000
Các nhà cung cấp khác	2.558.674.760	482.989.512
<b>Cộng</b>	<b>8.227.542.469</b>	<b>2.383.245.912</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan - Công ty Cổ phần Cát Lái – Đông Sài Gòn</b>	<b>231.000.000</b>	<b>-</b>	<b>247.320.000</b>	<b>-</b>
- Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	16.320.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>23.530.415.890</b>	<b>-</b>	<b>6.114.903.909</b>	<b>-</b>
Dặt cọc, ký cược, ký quỹ	20.937.230.000	-	4.152.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	4.916.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư Thương mại Vận tải Sao Xanh <sup>(1)</sup>	11.869.230.000	-	-	-
Đối tượng khác	40.000.000	-	40.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.463.663.015	-	1.602.926.027	-
Tạm ứng	87.636.487	-	287.508.062	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	41.886.388	-	72.469.820	-
<b>Cộng</b>	<b>23.761.415.890</b>	<b>-</b>	<b>6.362.223.909</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Khoản đặt cọc thuê bãi tại Khu công nghiệp Cát Lái có thời hạn thuê đến ngày 31/12/2025.**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc sử dụng dịch vụ	330.000.000	-	330.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	9.345.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	-	-	8.316.000.000	-
Công ty TNHH Tincons <sup>(1)</sup>	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh <sup>(1)</sup>	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.675.300.000</b>	<b>-</b>	<b>17.991.300.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Khoản đặt cọc thuê mặt bằng và cơ sở hạ tầng tại phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê đến ngày 12/02/2029.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Khoản đặt cọc thuê mặt bằng tại Khu công nghiệp Cát Lái có thời hạn thuê từ 01/11/2023 đến 31/12/2028.

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa	13.796.628.316	13.096.217.340

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	1.511.245.453	614.989.800
Chi phí bảo hiểm	755.963.467	776.169.289
<b>Cộng</b>	<b><u>2.267.208.920</u></b>	<b><u>1.391.159.089</u></b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gạo	5.494.256.985	6.598.097.448
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhơn Trạch	13.287.513.093	14.863.582.113
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	6.312.980.862	4.093.823.231
Chi phí sửa chữa, thi công khác	5.983.427.721	6.030.628.477
<b>Cộng</b>	<b><u>31.078.178.661</u></b>	<b><u>31.586.131.269</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Tài sản cố định hữu hình

<i>Nguyên giá</i>	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	276.465.973.529	537.915.555.902	10.295.913.104	2.726.422.049	80.000.000	11.844.818.507	839.328.683.091
Mua trong năm	-	3.194.019.445	-	312.756.488	-	357.000.000	3.863.775.933
Thanh lý, nhượng bán	(316.277.273)	-	-	-	-	(244.000.000)	(560.277.273)
<b>Số cuối năm</b>	<b>276.149.696.256</b>	<b>541.109.575.347</b>	<b>10.295.913.104</b>	<b>3.039.178.537</b>	<b>80.000.000</b>	<b>11.957.818.507</b>	<b>842.632.181.751</b>
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.097.748.663	194.787.348.774	6.619.821.285	2.434.276.509	80.000.000	857.582.902	219.876.778.133
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>							
Số đầu năm	129.272.385.528	473.541.779.694	7.695.372.369	2.483.795.427	80.000.000	4.309.955.931	617.383.288.949
Khấu hao trong năm	11.347.569.554	11.164.998.515	612.681.972	113.754.381	-	2.236.335.145	25.475.339.567
Thanh lý, nhượng bán	(255.345.725)	-	-	-	-	(244.000.000)	(499.345.725)
<b>Số cuối năm</b>	<b>140.364.609.357</b>	<b>484.706.778.209</b>	<b>8.308.054.341</b>	<b>2.597.549.808</b>	<b>80.000.000</b>	<b>6.302.291.076</b>	<b>642.359.282.791</b>
<i>Giá trị còn lại</i>							
Số đầu năm	147.193.588.001	64.373.776.208	2.600.540.735	242.626.622	-	7.534.862.576	221.945.394.142
Số cuối năm	135.785.086.899	56.402.797.138	1.987.858.763	441.628.729	-	5.655.527.431	200.272.898.960
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 66.084.091.010 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Mua trong năm	-	250.000.000	250.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.991.682.391</b>	<b>950.229.000</b>	<b>28.941.911.391</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
<i>Giá trị hao mòn</i>			
Số đầu năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Khấu hao trong năm	705.672.660	87.685.178	793.357.838
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.645.084.215</b>	<b>716.838.904</b>	<b>7.361.923.119</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Số đầu năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.346.598.176</b>	<b>233.390.096</b>	<b>21.579.988.272</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(\*) Là quyền sử dụng đất tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí/chi phí trả trước	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>319.315.741</i>	<i>4.082.460.192</i>	<i>(4.113.775.933)</i>	<i>(288.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>3.088.825.334</i>	<i>31.365.451.624</i>	<i>-</i>	<i>(4.664.060.581)</i>	<i>29.790.216.377</i>
Di dời kho xăng dầu vùng 2	1.895.623.479	-	-	-	1.895.623.479
Xây dựng kho hàng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (*)	366.460.121	25.201.692.156	-	-	25.568.152.277
Sửa chữa kè bảo vệ bến sà lan Tân Cảng Nhơn Trạch	-	4.090.723.497	-	(4.090.723.497)	-
Các hạng mục khác	826.741.734	2.073.035.971	-	(573.337.084)	2.326.440.621
<b>Cộng</b>	<b>3.408.141.075</b>	<b>35.447.911.816</b>	<b>(4.113.775.933)</b>	<b>(4.952.060.581)</b>	<b>29.790.216.377</b>

(\*) Dự án đầu tư xây dựng kho hàng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (khu 15ha) có tổng mức đầu tư 41.629.655.828 VND, dự kiến hoàn thành trong quý II/2026.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>210.965.579.449</b>	<b>218.825.294.774</b>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	116.084.289.194	140.422.506.082
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đồng Sài Gòn	31.409.133.142	29.691.170.956
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	29.088.484.694	19.947.820.777
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	26.240.880.207	19.121.671.023
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.468.466.820	8.801.507.909
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	2.102.131.612	491.656.091
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	170.745.400	42.920.000
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	155.567.930	50.447.070
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	110.747.520	148.758.120
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	43.217.000	35.357.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	25.957.800	15.874.920
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	-	28.169.856
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	64.508.130	27.434.970
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM	1.450.000	-
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>43.949.035.226</b>	<b>61.294.130.958</b>
<b>Cộng</b>	<b>254.914.614.675</b>	<b>280.119.425.732</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	18.241.715.796	(12.002.271.094)	6.239.444.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.368.490.106	33.191.663.820	(31.648.681.708)	11.911.472.218
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	1.277.903.490	-	(1.277.903.490)	-
Thuế thu nhập cá nhân	417.630.379	7.663.941.071	(7.842.577.208)	238.994.242
Thuế nhà thầu	-	83.551.881	(83.551.881)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>12.064.023.975</b>	<b>59.185.872.568</b>	<b>(52.859.985.381)</b>	<b>18.389.911.162</b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	177.669.019.931	166.842.554.150
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.356.008.017	4.806.484.567
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.441.980.667	4.806.565.588
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	5.909.943.847	4.806.518.870
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền cuối năm</i>	531.955.799	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền cuối năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	81.021	46.718
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.085.972.650)	(81.021)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền cuối năm</i>	-	(81.021)
<i>Điều chỉnh thu nhập về kỳ tính thuế năm 2024 theo kết luận của Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025</i>	(4.085.972.650)	-
Thu nhập chịu thuế	180.025.027.948	171.649.038.717
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(19.173.540.497)	(19.308.283.963)
Thu nhập tính thuế	160.851.487.451	152.340.754.754
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>32.170.297.490</b>	<b>30.468.150.951</b>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>1.021.366.330</i>	<i>-</i>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>33.191.663.820</b>	<b>30.468.150.951</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>10.402.735.915</b>	<b>14.680.217.982</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.402.735.915	5.414.784.322
<i>Chi phí thuê đất, cơ sở hạ tầng</i>	<i>8.807.365.009</i>	<i>3.372.386.322</i>
<i>Chi phí thuê phương tiện, xếp dỡ, nâng hạ</i>	<i>1.595.370.906</i>	<i>2.042.398.000</i>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	9.265.433.660
- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>24.540.149.437</b>	<b>14.801.396.585</b>
Chi phí lãi vay	1.886.629	22.884.171
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	24.538.262.808	11.535.428.656
Chi phí lưu bãi	-	3.243.083.758
<b>Cộng</b>	<b>34.942.885.352</b>	<b>20.216.180.907</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Ngày 20 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Sen Vàng. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.
- (ii) Khoản nhận đặt cọc cho thuê kho lạnh tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, thời hạn cho thuê 20 năm kể từ thời điểm bàn giao. Đến thời điểm hiện tại, kho đang trong quá trình đầu tư, xây dựng chưa bàn giao cho thuê.

#### 14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 15. Vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn - Vay dài hạn đến hạn trả (*)	1.811.700.252	7.249.712.000
<b>Cộng</b>	<b>1.811.700.252</b>	<b>32.249.712.000</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay.

- (\*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 01 năm 2018, để đầu tư dự án “Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc” tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng là 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý, bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân (lãi suất năm 2025 là 7 - 8%/năm). Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	25.000.000.000	7.249.712.000	1.811.700.252	34.061.412.252
Số tiền vay phát sinh	-	-	-	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	-	1.811.700.252	(1.811.700.252)	-
Số tiền vay đã trả	(25.000.000.000)	(7.249.712.000)	-	(32.249.712.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.811.700.252</b>	<b>-</b>	<b>1.811.700.252</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	9.675.898.900	8.756.837.462	-	18.432.736.362
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.433.779.744	12.433.779.744	767.841.328	25.635.400.816
Tăng do Công ty mẹ cấp	23.000.000	-	-	23.000.000
Chi quỹ trong năm	(4.487.300.000)	(8.090.275.920)	(767.841.328)	(13.345.417.248)
Giảm khác	(1)	-	-	(1)
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.645.378.643</b>	<b>13.100.341.286</b>	<b>-</b>	<b>30.745.719.929</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm 2024</b>					
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	157.824.904.656	70.807.650.325	550.929.041.319
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	136.374.403.199	136.374.403.199
Chia cổ tức	-	-	-	(70.160.060.957)	(70.160.060.957)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(647.589.368)	(647.589.368)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	40.912.320.960	(64.313.484.618)	(23.401.163.658)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>301.584.360.000</b>	<b>20.712.126.338</b>	<b>198.737.225.616</b>	<b>72.060.918.581</b>	<b>593.094.630.535</b>
<b>Năm 2025</b>					
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	198.737.225.616	72.060.918.581	593.094.630.535
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	144.477.356.111	144.477.356.111
Chia cổ tức	-	-	-	(71.293.077.254)	(71.293.077.254)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(767.841.327)	(767.841.327)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	-	43.343.206.833	(68.210.766.321)	(24.867.559.488)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>301.584.360.000</b>	<b>20.712.126.338</b>	<b>242.080.432.449</b>	<b>76.266.589.790</b>	<b>640.643.508.577</b>

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	153.812.730.000	153.812.730.000
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
<b>Cộng</b>	<b>301.584.360.000</b>	<b>301.584.360.000</b>

**17c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 179/NQ-ĐHĐCĐTN.2025 ngày 4 tháng 4 năm 2025 như sau:

	VND
<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024</b>	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	71.293.077.254
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	767.841.328
• Điều chỉnh giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã tạm trích năm trước	1
<b>Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025</b>	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	43.343.206.833
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện)	24.867.559.488

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.536.702,88 USD (Số đầu năm: 65,34 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	284.997.731.951	255.968.305.426
Doanh thu dịch vụ Depot	1.427.767.889.964	1.254.366.725.250
Doanh thu dịch vụ khác	64.714.212.153	70.526.321.045
<b>Cộng</b>	<b>1.777.479.834.068</b>	<b>1.580.861.351.721</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	800.700.896.597	812.317.102.568
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.242.920.262	3.506.759.677
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.888.415.000	3.602.790.962
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	1.611.796.312	1.908.271.778
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	763.296.500	705.011.723
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	307.352.500	526.662.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	214.731.000	250.535.600
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	1.524.075.000	3.317.111.704
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	-	54.581.091
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.748.921.186	1.065.728.151
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	-	187.962.963
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	5.315.920.065	5.309.995.446
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	23.415.074	29.489.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.533.408.633.412	1.338.011.635.346

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.626.435.611	6.433.394.517
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	83.450.792	20.080.417
Cổ tức được chia	19.173.540.497	19.308.283.963
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	81.021
<b>Cộng</b>	<b><u>28.883.426.900</u></b>	<b><u>25.761.839.918</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	522.155.654	503.814.945
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.231.337	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	446.370.299	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(8.230.443.460)	2.134.286.371
<b>Cộng</b>	<b><u>(7.260.686.170)</u></b>	<b><u>2.638.101.316</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng dịch vụ	27.376.849.376	24.134.310.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.844.480.000	3.262.685.184
Các chi phí khác	2.076.856.731	2.839.953.300
<b>Cộng</b>	<b><u>32.298.186.107</u></b>	<b><u>30.236.949.367</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	38.273.507.480	37.247.366.573
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.028.932.086	848.818.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	699.903.399	737.975.855
Thuế, phí và lệ phí	827.657.951	410.071.027
Dự phòng phải thu khó đòi	-	103.708.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.495.597.848	8.256.715.821
Các chi phí khác	21.154.756.422	21.272.827.882
<b>Cộng</b>	<b><u>70.480.355.186</u></b>	<b><u>68.877.484.257</u></b>

**7. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.836.243.499	46.576.382.463
Chi phí nhân công	112.909.967.479	107.971.018.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	24.617.637.625	24.986.299.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.425.649.430.928	1.226.550.794.060
Chi phí khác	34.173.895.174	31.041.574.098
<b>Cộng</b>	<b>1.636.187.174.705</b>	<b>1.437.126.068.970</b>
(*) Tổng chi phí khấu hao trong năm (thuyết minh V.8, V.9)	25.568.794.006	26.440.537.692
Khấu hao phân chia cho các bên hợp tác kinh doanh	(1.651.059.780)	(1.454.237.844)
<b>Chi phí khấu hao của Công ty</b>	<b>24.617.637.625</b>	<b>24.986.299.848</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các cam kết thuê hoạt động***Công ty là bên đi thuê***Bên cho thuê****Địa điểm****Thời hạn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh

16.069,2 m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Cát Lái

Từ 01 tháng 11 năm 2023 đến 31 tháng 12 năm 2028

Công ty TNHH Tincons

39.048 m<sup>2</sup> tại phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh

Từ 05 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống	32.832.091.542	49.064.725.466
Trên 1 năm đến 5 năm	76.551.008.686	93.436.306.136
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>109.383.100.228</b>	<b>142.501.031.602</b>

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

281  
 3 TY  
 18  
 H N  
 HÀ  
 VC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương, phụ cấp</u>	<u>Thưởng Ban điều hành</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Vũ Ngọc Hương	Chủ tịch HĐQT (từ 04/04/2025)	547.835.852	-	-	547.835.852
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT (đến 04/04/2025)	1.017.740.898	105.389.986	-	1.123.130.885
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.292.312.746	99.367.701	60.000.000	1.451.680.448
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	-	60.222.849	60.000.000	120.222.849
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	-	60.222.849	60.000.000	120.222.849
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT /Phó Giám đốc	801.076.290	60.222.849	60.000.000	921.299.139
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS	-	60.222.849	60.000.000	120.222.849
Ông Trần Văn Trường	Thành viên BKS	583.483.836	48.178.279	30.000.000	661.662.115
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (từ 17/6/2025)	-	-	15.000.000	15.000.000
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên BKS (đến 17/6/2025)	-	48.178.279	15.000.000	63.178.279
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	888.850.377	60.222.849	-	949.073.227
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	857.085.931	60.222.849	-	917.308.780
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	795.421.368	60.222.849	-	855.644.218
<b>Cộng</b>		<b>6.783.807.299</b>	<b>722.674.191</b>	<b>360.000.000</b>	<b>7.866.481.490</b>
<b>Kỳ trước</b>					
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1.362.950.615	87.175.492	-	1.450.126.107
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT /Giám đốc	1.290.853.186	82.194.035	60.000.000	1.433.047.221
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	-	49.814.567	60.000.000	109.814.567
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	-	49.814.567	60.000.000	109.814.567
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	420.276.773	49.814.567	60.000.000	530.091.340
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS	-	49.814.567	60.000.000	109.814.567
Ông Trần Văn Trường	Thành viên BKS	605.790.504	39.851.653	30.000.000	675.642.157
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên BKS	-	39.851.653	30.000.000	69.851.653
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	825.746.821	49.814.567	-	875.561.388
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	884.860.269	49.814.567	-	934.674.836
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	842.590.269	49.814.567	-	892.404.836
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	749.254.932	49.814.567	24.000.000	823.069.499
<b>Cộng</b>		<b>6.982.323.370</b>	<b>647.589.369</b>	<b>384.000.000</b>	<b>8.013.912.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty trong năm gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (“SNP”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn SNP
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn SNP

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b>		
Sử dụng dịch vụ của công ty mẹ	24.595.551.789	13.985.586.710
Chia cổ tức cho công ty mẹ	36.360.581.970	35.782.725.977
<b>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</b>		
Cổ tức được chia	3.304.125.000	3.217.500.000
<b>Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan:</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	506.188.180	264.627.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	915.894.000	3.841.429.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	34.570.986.945	40.037.834.325
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	4.011.090.103	3.116.341.031
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	59.294.400	138.848.600



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	212.622.000	229.156.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	421.727.556	334.234.049
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	-	861.111
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	103.506.300	100.395.500
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	60.787.038	31.870.365
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	51.020.167.675	37.452.132.109
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	536.145.779	568.209.332
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	653.568.518	443.731.750

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Người lập biên

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

**FINANCIAL STATEMENTS**  
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2025

**TAN CANG**  
**LOGISTICS AND STEVEDORING**  
**JOINT STOCK COMPANY**

## CONTENTS

	<b>Page</b>
<b>1. Contents</b>	<b>1</b>
<b>2. Statement of the Board of Management</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Independent Auditor's Report</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Balance Sheet as at 31 December 2025</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2025</b>	<b>10</b>
<b>6. Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2025</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025</b>	<b>13 - 37</b>

\*\*\*\*\*



# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

## STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) presents this statement together with the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025.

### **Business highlights**

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1<sup>st</sup> Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 8 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (now the Department of Finance of Ho Chi Minh City).

During its operations, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12<sup>th</sup> amended Business Registration Certificate dated 8 March 2021 was due to the change in the Company's address.

### **Head office**

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

### **The principal business activities of the Company include:**

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

### **Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers**

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

#### **Board of Directors**

<u>Full name</u>	<u>Position</u>	<u>Appointing date/re-appointing date/resigning date</u>
Mr. Vu Ngoc Huong	Chairman	Appointed on 4 April 2025
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Resigned on 4 April 2025
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 6 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Independent member	Appointed on 16 June 2022

#### **Board of Supervisors (“BOS”)**

<u>Full name</u>	<u>Position</u>	<u>Appointing date/resigning date</u>
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	Appointed on 15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	Appointed on 16 June 2022
Ms. Nguyen Thi Huyen	Member	Appointed on 17 June 2025
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	Resigned on 17 June 2025

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**  
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

**Board of Management and Chief Accountant**

Full name	Position	Appointing date
Mr. Le Van Cuong	Director	26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	08 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	19 February 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	29 November 2019

**Legal representative**

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong.

**Auditor**

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 of the Company.

**Responsibilities of the Board of Management**

The Board of Management is responsible for the preparation of the Financial Statements to give a true and fair view on the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Financial Statements, the Board of Management must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Financial Statements.

**Approval on the Financial Statements**

The Board of Management hereby approves the accompanying Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as at 31 December 2025, the financial performance and the cash flows for the fiscal year then ended of the Company in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,



**Le Van Cuong**

6 March 2026

981  
G T  
OÁN  
A8  
CHI N  
HÀ  
VÔ

No. 2.0176/26/TC-AC

**INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT****THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT  
TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

We have audited the accompanying Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”), which were prepared on 6 March 2026, from page 06 to page 37, including the Balance Sheet as at 31 December 2025, the Income Statement, the Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Financial Statements.

**Responsibility of the Board of Management**

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

**Responsibility of Auditors**

Our responsibility is to express an opinion on the Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

TNI  
VÀ T  
C  
ANH  
YOI  
TP

### Opinion of Auditors

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as at 31 December 2025 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

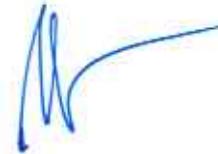
### Other matter

The Auditor's Report on the Company's Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



**Le Van Khoa – Partner**

*Audit Practice Registration Certificate:*

*No. 1794-2023-008-1*

Authorized Signatory

Hanoi, 6 March 2026

**Luong Nhat Vu – Auditor**

*Audit Practice Registration Certificate:*

*No. 6256-2023-008-1*



**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**BALANCE SHEET**

As at 31 December 2025

Unit: VND

<b>ASSETS</b>	<b>Code</b>	<b>Note</b>	<b>Ending balance</b>	<b>Beginning balance</b>
<b>A - CURRENT ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>690,377,782,382</b>	<b>627,774,700,587</b>
<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>142,664,463,056</b>	<b>45,012,198,445</b>
1. Cash	111		46,664,463,056	12,012,198,445
2. Cash equivalents	112		96,000,000,000	33,000,000,000
<b>II. Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		<b>225,000,000,000</b>	<b>145,000,000,000</b>
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	225,000,000,000	145,000,000,000
<b>III. Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>306,649,482,090</b>	<b>421,332,408,116</b>
1. Short-term trade receivables	131	V.3	275,314,431,474	413,240,846,038
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	8,227,542,469	2,383,245,912
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	23,761,415,890	6,362,223,909
7. Allowance for short-term doubtful debts	137		(653,907,743)	(653,907,743)
8. Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
<b>IV. Inventories</b>	<b>140</b>		<b>13,796,628,316</b>	<b>13,096,217,340</b>
1. Inventories	141	V.6	13,796,628,316	13,096,217,340
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
<b>V. Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>2,267,208,920</b>	<b>3,333,876,686</b>
1. Short-term prepaid expenses	151	V.7a	2,267,208,920	1,391,159,089
2. Deductible VAT	152		-	1,942,717,597
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

### Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
<b>B - NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>435,161,160,244</b>	<b>431,588,447,110</b>
<b>I. Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>9,675,300,000</b>	<b>17,991,300,000</b>
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	9,675,300,000	17,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>221,852,887,232</b>	<b>244,068,740,252</b>
1. Tangible fixed assets	221	V.8	200,272,898,960	221,945,394,142
<i>Historical costs</i>	222		842,632,181,751	839,328,683,091
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(642,359,282,791)	(617,383,288,949)
2. Finance lease assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.9	21,579,988,272	22,123,346,110
<i>Historical costs</i>	228		28,941,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(7,361,923,119)	(6,568,565,281)
<b>III. Investment properties</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
<b>IV. Long-term assets in progress</b>	<b>240</b>	V.10	<b>29,790,216,377</b>	<b>3,408,141,075</b>
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		29,790,216,377	3,408,141,075
<b>V. Long-term financial investments</b>	<b>250</b>	V.2b	<b>142,764,577,974</b>	<b>134,534,134,514</b>
1. Investments in subsidiaries	251		21,440,000,000	21,440,000,000
2. Investments in joint ventures and associates	252		97,120,000,000	97,120,000,000
3. Investments in other entities	253		26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		(2,274,902,026)	(10,505,345,486)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
<b>VI. Other non-current assets</b>	<b>260</b>		<b>31,078,178,661</b>	<b>31,586,131,269</b>
1. Long-term prepaid expenses	261	V.7b	31,078,178,661	31,586,131,269
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>1,125,538,942,626</b>	<b>1,059,363,147,697</b>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Balance Sheet (cont.)**

RESOURCES	Code	Note	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<b>C- LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>484,895,434,049</b>	<b>466,268,517,162</b>
<b>I. Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>409,000,573,945</b>	<b>428,325,190,406</b>
1. Short-term trade payables	311	V.11	254,914,614,675	280,119,425,732
2. Short-term advances from customers	312		1,238,902,070	507,226,395
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.12	18,389,911,162	12,064,023,975
4. Payables to employees	314		37,139,009,308	31,117,950,761
5. Short-term accrued expenses	315	V.13	34,942,885,352	20,216,180,907
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.14a	29,817,831,197	33,617,934,274
10. Short-term borrowings and finance leases	320	V.15	1,811,700,252	32,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.16	30,745,719,929	18,432,736,362
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
<b>II. Non-current liabilities</b>	<b>330</b>		<b>75,894,860,104</b>	<b>37,943,326,756</b>
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.14b	75,894,860,104	36,131,626,504
8. Long-term borrowings and finance leases	338	V.15	-	1,811,700,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

### Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
<b>D - OWNERS' EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>640,643,508,577</b>	<b>593,094,630,535</b>
<b>I. Owners' equity</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>640,643,508,577</b>	<b>593,094,630,535</b>
1. Owners' contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		242,080,432,449	198,737,225,616
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		76,266,589,790	72,060,918,581
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		-	72,060,918,581
- Retained earnings of the current period	421b		76,266,589,790	-
12. Construction investment fund	422		-	-
<b>II. Other sources and funds</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
<b>TOTAL RESOURCES</b>	<b>440</b>		<b>1,125,538,942,626</b>	<b>1,059,363,147,697</b>

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**INCOME STATEMENT**  
For the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VL1	1,777,479,834,068	1,580,861,351,721
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		1,777,479,834,068	1,580,861,351,721
4. Costs of sales	11	VL2	1,533,408,633,412	1,338,011,635,346
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		244,071,200,656	242,849,716,375
6. Financial income	21	VL3	28,883,426,900	25,761,839,918
7. Financial expenses	22	VL4	(7,260,686,170)	2,638,101,316
In which: Interest expenses	23		522,155,654	503,814,945
8. Selling expenses	25	VL5	32,298,186,107	30,236,949,367
9. General and administration expenses	26	VL6	70,480,355,186	68,877,484,257
10. Net operating profit/ (loss)	30		177,436,772,433	166,859,021,353
11. Other income	31		235,322,654	6,936,667
12. Other expenses	32		3,075,156	23,403,870
13. Other profit/ (loss)	40		232,247,498	(16,467,203)
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		177,669,019,931	166,842,554,150
15. Current income tax	51	V.12	33,191,663,820	30,468,150,951
16. Deferred income tax	52		-	-
17. Profit/ (loss) after tax	60		<u>144,477,356,111</u>	<u>136,374,403,199</u>
18. Basic earnings per share	70	VL8	-	-
19. Diluted earnings per share	71	VL8	-	-

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**CASH FLOW STATEMENT**

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<b>I. Cash flows from operating activities</b>				
1. Profit/ (loss) before tax	01		177,669,019,931	166,842,554,150
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	VI.8	24,617,637,625	24,986,299,848
- Provisions and allowances	03	VI.4, 6	(8,230,443,460)	2,237,994,833
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.3	446,370,299	(81,021)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(28,946,554,661)	(25,741,678,480)
- Interest expenses	06	VI.4	522,155,654	503,814,945
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	08		166,078,185,388	168,828,904,275
- (Increase)/ decrease in receivables	09		135,957,191,587	(184,380,911,203)
- (Increase)/ decrease in inventories	10		(700,410,976)	(179,569,077)
- Increase/ (decrease) in payables	11		38,784,101,564	96,461,661,858
- (Increase)/ decrease in prepaid expenses	12		(368,097,223)	(1,152,498,928)
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(543,153,196)	(503,814,945)
- Corporate income tax paid	15	V.12	(31,648,681,708)	(31,584,210,458)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.16	23,000,000	70,480,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.16	(13,345,417,248)	(23,383,259,618)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	<b>20</b>		<b><u>294,236,718,188</u></b>	<b><u>24,176,781,904</u></b>
<b>II. Cash flows from investing activities</b>				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(40,650,662,211)	(7,388,415,498)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		207,510,101	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(119,000,000,000)	(85,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		39,000,000,000	78,000,000,000
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Proceeds from divestment of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		27,939,239,120	25,951,393,549
<b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>30</b>		<b><u>(92,503,912,990)</u></b>	<b><u>11,562,978,051</u></b>

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

### Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
<b>III. Cash flows from financing activities</b>				
1. Proceeds from share issuance and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33		-	25,000,000,000
4. Repayment for borrowings	34	V.15	(32,249,712,000)	(7,249,712,000)
5. Repayments for finance lease principal	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(71,298,872,788)	(70,090,002,183)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(103,548,584,788)</u>	<u>(52,339,714,183)</u>
<b>Net cash flows during the year</b>	50		<b>98,184,220,410</b>	<b>(16,599,954,228)</b>
<b>Beginning cash and cash equivalents</b>	60	V.1	<b>45,012,198,445</b>	<b>61,612,071,652</b>
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		(531,955,799)	81,021
<b>Ending cash and cash equivalents</b>	70	V.1	<u><b>142,664,463,056</b></u>	<u><b>45,012,198,445</b></u>

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

### NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

#### I. GENERAL INFORMATION

##### 1. Form of ownership

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

##### 2. Operating fields

The Company operates in the field of service.

##### 3. Business activities

The principal business activities of the Company include:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

##### 4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

##### 5. Structure of the Company

###### *Subsidiaries*

The Company only invests in one subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC. located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Nhon Trach Commune, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary includes seaport service.

As of the balance sheet date, the Company's proportion of capital contribution in this subsidiary was 51%, the proportion of voting rights and proportion of beneficial interest were equivalent to the proportion of capital contribution.

###### *Associates*

Name	Address	Principal business activity	Proportion of capital contribution	Proportion of beneficial interest	Proportion of voting rights
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai Ward, Hai Phong City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh, Quarter 3, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City	Seaport service	24.39%	24.39%	24.39%

##### 6. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

### Notes to the Financial Statements (Cont.)

---

#### 7. Employees

As of the balance sheet date, there were 282 employees working for the Company (as at 1 January 2025: 288 employees).

## II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

### 1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

### 2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because payments and receipts of the Company are primarily made in VND.

## III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

### 1. Applicable Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

### 2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the Enterprise Accounting System, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance guiding the Enterprise Accounting System ("Circular 200") and Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and supplementing certain provisions of Circular 200. The provisions of Circular 99 are applicable to the recording, preparation and presentation of Financial Statements for the fiscal year commencing on 1 January 2026.

## IV. ACCOUNTING POLICIES

### 1. Basis of preparation of the Financial Statements

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

### 2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

## TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

#### Notes to the Financial Statements (Cont.)

---

### 3. Financial investments

#### *Held-to-maturity investments*

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Company intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits at banks for the purpose of earning periodical interest. Interest income from term deposits at banks is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

#### *Investments in subsidiaries, associates*

##### *Subsidiaries*

Subsidiary is an entity that is controlled by the Company. Control is obtained when the Company achieves the ability to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities.

##### *Associates*

An associate is an entity which the Company has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

##### *Initial recognition*

Investments in subsidiaries, associates are initially recognized at costs, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. If the Company contributes capital by non-monetary assets, costs of the investment are recognized at the fair value of the non-monetary assets at the time of occurrence.

Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

##### *Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates*

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates are made when the subsidiaries, associates suffer from losses, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in the subsidiaries, associates. If the subsidiaries, associates are parent companies and have their own Consolidated Financial Statements, provision for impairment loss will be made based on their Consolidated Financial Statements.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "Financial expenses".

##### *Investments in equity instruments of other entities*

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Company to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.

## TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

#### Notes to the Financial Statements (Cont.)

---

- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "Financial expenses".

#### 4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
  - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
  - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
  - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
  - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded in "General and administration expenses".

#### 5. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For inventories consisting of raw materials (supplies, spare parts for repairs), the cost of inventory is determined to include the costs of purchases and other directly related expenses incurred to obtain the inventory at its present location and condition.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

The Company's inventories primarily consist of materials and spare parts for repairs that are kept in normal condition. Consequently, no allowance for inventories is required.

#### 6. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. These prepaid expenses are amortized over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

### Notes to the Financial Statements (Cont.)

The Company's prepaid expenses primarily include:

#### *Warehouse and yard construction costs*

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are amortized using the straight-line method over the five-year lease term for the warehouse.

#### *Expenses for fixed asset repairs*

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are amortized using the straight-line method over 3 years.

### 7. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are allocated to operating expenses using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

### 8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation.

Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operating expenses during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
Buildings and structures	5 – 38
Machinery and equipment	3 – 20
Vehicles	5 – 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 – 8

### 9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

TNH  
A TU  
C  
ANH  
Q1  
TP

## TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

---

The Company's intangible fixed assets include:

#### *Land use right*

Land use right includes all the actual expenses paid by the Company directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

#### *Computer software*

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method over 03 years.

#### **10. Construction-in-progress**

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Company) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

#### **11. Business Cooperation Contract ("BCC")**

##### *Jointly controlled operations*

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Company shall recognize in its Financial Statements:

- The assets that the Company controls;
- The liabilities that the Company incurs;
- The revenue that the Company earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture; and
- The expenses that the Company incurs;

#### **12. Payables and accrued expenses**

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Company;
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses;
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

## TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

#### Notes to the Financial Statements (Cont.)

---

#### 13. Owners' equity

##### *Owners' contribution capital*

Owners' contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

##### *Share premiums*

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

#### 14. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

#### 15. Recognition of revenue and income

##### *Revenue from rendering of services*

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered;
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services;
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably;
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

##### *Interest*

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

##### *Dividend income*

Income from dividends is recognized when the Company has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

#### 16. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Company directly incurs in connection with the borrowings.

Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

## TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

#### 17. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

#### 18. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

#### 19. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

#### 20. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

### V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET

#### 1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	6,234,837	12,993,298
Demand deposits at banks	46,658,228,219	11,999,205,147
Cash equivalents ( <i>Bank deposits with initial maturities within 3 months</i> )	96,000,000,000	33,000,000,000
<b>Total</b>	<b><u>142,664,463,056</u></b>	<b><u>45,012,198,445</u></b>

#### 2. Financial investments

##### 2a. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits at banks with maturities ranging from 6 months to 12 months, interest rates ranging from 4% to 7.7% per annum, with the carrying value equal to its original cost	225,000,000,000	145,000,000,000

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

**2b. Investments in other entities**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
<i>Investments in subsidiaries</i>	<b>21,440,000,000</b>	-	<b>21,440,000,000</b>	-
Dong Nai Newport Logistics JSC.	21,440,000,000	-	21,440,000,000	-
<i>Investments in associates</i>	<b>97,120,000,000</b>	<b>(2,274,902,026)</b>	<b>97,120,000,000</b>	<b>(10,505,345,486)</b>
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	33,120,000,000	(2,274,902,026)	33,120,000,000	(10,505,345,486)
Tan Cang Ben Thanh Corporation	54,000,000,000	-	54,000,000,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
<i>Investments in other entities</i>	<b>26,479,480,000</b>	-	<b>26,479,480,000</b>	-
Cat Lai Port JSC.	11,812,500,000	-	11,812,500,000	-
Military Commercial Joint Stock Bank (“MBBank”)	14,666,980,000	-	14,666,980,000	-
<b>Total</b>	<b>145,039,480,000</b>	<b>(2,274,902,026)</b>	<b>145,039,480,000</b>	<b>(10,505,345,486)</b>

The number of shares held and the Company’s proportion of beneficial interest in the entities are as follows:

Name	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Proportion of beneficial interest	Number of shares	Proportion of beneficial interest
Dong Nai Newport Logistics JSC.	2,295,200	51.00%	2,295,200	51.00%
Tan Cang Ben Thanh Corporation	5,400,000	36.00%	5,400,000	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	3,312,000	36.00%	3,312,000	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	1,000,000	20.00%	1,000,000	20.00%
MBBank (*)	4,697,819		3,094,743	
Cat Lai Port JSC.	1,237,500	3.64%	1,237,500	3.64%

(\*) This represents an entrusted investment through the Parent Company, Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation. During the year, the Company received a stock dividend of 1,603,076 shares.

**Fair value**

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date, details are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
MBBank	118,854,820,700	77,678,053,065
Cat Lai Port JSC.	37,743,750,000	44,302,500,000

The Company has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

**Operation of subsidiaries, associates**

The subsidiary and the associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

**Provisions for investments in other entities**

Fluctuations in provisions for investments in other entities are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	10,505,345,486	8,371,059,115
Additional provision	-	2,134,286,371
Reversal of provision	(8,230,443,460)	-
<b>Total</b>	<b>2,274,902,026</b>	<b>10,505,345,486</b>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

*Transactions with subsidiaries and associates*

Significant transactions between the Company and its subsidiary and associates are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<b><i>Dong Nai Newport Logistics JSC.</i></b>		
Dividends received	158,521,757	218,646,223
Rendering of services to the subsidiary	5,106,196,877	1,686,309,384
Use of services rendered by the subsidiary	67,458,619,811	48,562,224,419
<b><i>Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.</i></b>		
Rendering of services to the associate	348,480,000	1,048,608,000
<b><i>Tan Cang Ben Thanh Corporation</i></b>		
Dividends received	13,500,000,000	13,500,000,000
Rendering of services to the associate	360,000,000	360,742,000
Use of services rendered by the associate	360,889,666,013	333,044,086,891
<b><i>Cat Lai – Eastern Saigon JSC.</i></b>		
Use of services rendered by the associate	330,651,165,589	347,434,966,386
Acquisition of materials of the associate	13,348,323,903	15,693,340,000
Rendering of services to the associate	496,256,900	2,639,066,400
Dividends received	1,143,207,540	824,766,240

**3. Short-term trade receivables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<b><i>Receivables from related parties</i></b>	<b><i>251,388,528,046</i></b>	<b><i>390,468,594,587</i></b>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	248,674,429,924	386,005,068,022
Tan Cang Warehousing JSC.	531,081,457	1,672,431,300
Tan Cang Overland Transport JSC.	549,248,040	1,087,207,920
Tan Cang Waterway Transport JSC.	129,870,000	460,185,166
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	271,790,640	93,980,520
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	31,363,200	94,089,600
Phu Huu – Newport Corporation	111,393,360	144,898,740
Tan Cang Hiep Luc JSC.	62,282,520	90,149,760
Tan Cang Container Services JSC.	917,846,124	725,213,706
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	65,601,360
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	72,683,828	21,657,300
Tan Cang - Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	36,538,953	199,113
Tan Cang Maritime Services JSC.	-	7,912,080
<b><i>Receivables from other customers</i></b>	<b><i>23,925,903,428</i></b>	<b><i>22,772,251,451</i></b>
<b>Total</b>	<b><u>275,314,431,474</u></b>	<b><u>413,240,846,038</u></b>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)****4. Short-term prepayments to suppliers**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Vina E&C Investment and Construction JSC.	2,180,474,309	-
Tincons Co., Ltd.	1,448,393,400	-
Dan Hung Trading Co., Ltd.	1,095,000,000	-
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.	-	1,024,716,000
Lin Dan Engineering Trading and Investment Co., Ltd.	-	674,942,400
Think Long Consulting and Construction JSC.	945,000,000	200,598,000
Other suppliers	2,558,674,760	482,989,512
<b>Total</b>	<b><u>8,227,542,469</u></b>	<b><u>2,383,245,912</u></b>

**5. Other receivables****5a. Other short-term receivables**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties - Cat Lai - Eastern Saigon JSC.</i>	<i>231,000,000</i>	-	<i>247,320,000</i>	-
- Deposit for hiring yards	231,000,000	-	231,000,000	-
- Other receivables	-	-	16,320,000	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>23,530,415,890</i>	-	<i>6,114,903,909</i>	-
Deposits	20,937,230,000	-	4,152,000,000	-
Eastern Saigon Logistics JSC.	4,112,000,000	-	4,112,000,000	-
Construction Investment JSC. No.14	4,916,000,000	-	-	-
Blue Star Transportation Trading Investment and Services Co., Ltd. <sup>(i)</sup>	11,869,230,000	-	-	-
Other entities	40,000,000	-	40,000,000	-
Accrued interest income of term deposits	2,463,663,015	-	1,602,926,027	-
Advances	87,636,487	-	287,508,062	-
Other short-term receivables	41,886,388	-	72,469,820	-
<b>Total</b>	<b><u>23,761,415,890</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6,362,223,909</u></b>	<b><u>-</u></b>

<sup>(i)</sup> This represents the deposit for premises lease at Cat Lai Industrial Park, with a lease term expiring on 31 December 2025.

**5b. Other long-term receivables**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposits for use of services	330,000,000	-	330,000,000	-
Deposit for hiring yards	9,345,300,000	-	17,661,300,000	-
Construction Investment JSC. No. 14	-	-	8,316,000,000	-
Tincons Co., Ltd. <sup>(i)</sup>	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Quang Minh Investment Construction Transport JSC. <sup>(i)</sup>	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
<b>Total</b>	<b><u>9,675,300,000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17,991,300,000</u></b>	<b><u>-</u></b>

<sup>(i)</sup> This represents the deposit for premises and infrastructure lease in Di An Ward, Ho Chi Minh, with a lease term until 12 February 2029.

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)**

- (ii) This represents the deposit for premises lease at Cat Lai Industrial Park, with a lease term from 1 November 2023 to 31 December 2028.

**6. Inventories**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Materials and spare parts for repairs	13,796,628,316	13,096,217,340

**7. Prepaid expenses****7a. Short-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	1,511,245,453	614,989,800
Insurance premiums	755,963,467	776,169,289
<b>Total</b>	<b><u>2,267,208,920</u></b>	<b><u>1,391,159,089</u></b>

**7b. Long-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	5,494,256,985	6,598,097,448
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	13,287,513,093	14,863,582,113
Expenses for machinery and equipment repairs	6,312,980,862	4,093,823,231
Other repair expenses and construction costs	5,983,427,721	6,030,628,477
<b>Total</b>	<b><u>31,078,178,661</u></b>	<b><u>31,586,131,269</u></b>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

8. Tangible fixed assets	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
<i>Historical costs</i>							
Beginning balance	276,465,973,529	537,915,555,902	10,295,913,104	2,726,422,049	80,000,000	11,844,818,507	839,328,683,091
New acquisition	-	3,194,019,445	-	312,756,488	-	357,000,000	3,863,775,933
Liquidation and disposal	(316,277,273)	-	-	-	-	(244,000,000)	(560,277,273)
<b>Ending balance</b>	<b>276,149,696,256</b>	<b>541,109,575,347</b>	<b>10,295,913,104</b>	<b>3,039,178,537</b>	<b>80,000,000</b>	<b>11,957,818,507</b>	<b>842,632,181,751</b>
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	15,097,748,663	194,787,348,774	6,619,821,285	2,434,276,509	80,000,000	857,582,902	219,876,778,133
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
<i>Depreciation</i>							
Beginning balance	129,272,385,528	473,541,779,694	7,695,372,369	2,483,795,427	80,000,000	4,309,955,931	617,383,288,949
Depreciation during the year	11,347,569,554	11,164,998,515	612,681,972	113,754,381	-	2,236,335,145	25,475,339,567
Liquidation and disposal	(255,345,725)	-	-	-	-	(244,000,000)	(499,345,725)
<b>Ending balance</b>	<b>140,364,609,357</b>	<b>484,706,778,209</b>	<b>8,308,054,341</b>	<b>2,597,549,808</b>	<b>80,000,000</b>	<b>6,302,291,076</b>	<b>642,359,282,791</b>
<i>Net book value</i>							
Beginning balance	147,193,588,001	64,373,776,208	2,600,540,735	242,626,622	-	7,534,862,576	221,945,394,142
<b>Ending balance</b>	<b>135,785,086,899</b>	<b>56,402,797,138</b>	<b>1,987,858,763</b>	<b>441,628,729</b>	<b>-</b>	<b>5,655,527,431</b>	<b>200,272,898,960</b>
<i>In which:</i>							
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Certain tangible fixed assets with a net book value of VND 66,084,091,010 have been pledged as collateral for the Company's bank loans.

## TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

#### Notes to the Financial Statements (Cont.)

#### 9. Intangible fixed assets

	Land use right (*)	Computer software	Total
<i>Historical costs</i>			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
New acquisition	-	250,000,000	250,000,000
<b>Ending balance</b>	<b>27,991,682,391</b>	<b>950,229,000</b>	<b>28,941,911,391</b>
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
<i>Amortization</i>			
Beginning balance	5,939,411,555	629,153,726	6,568,565,281
Amortization during the year	705,672,660	87,685,178	793,357,838
<b>Ending balance</b>	<b>6,645,084,215</b>	<b>716,838,904</b>	<b>7,361,923,119</b>
<i>Net book value</i>			
Beginning balance	22,052,270,836	71,075,274	22,123,346,110
<b>Ending balance</b>	<b>21,346,598,176</b>	<b>233,390,096</b>	<b>21,579,988,272</b>
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

(\*) This represents the land use right in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with a term of use until 30 August 2055; which has been pledged as collateral at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") - Saigon Branch.

#### 10. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Transferred to expenses/prepaid expenses	Ending balance
<i>Acquisition of fixed assets</i>	319,315,741	4,082,460,192	(4,113,775,933)	(288,000,000)	-
<i>Construction-in-progress</i>	3,088,825,334	31,365,451,624	-	(4,664,060,581)	29,790,216,377
Project of relocation of petroleum warehouse of region 2	1,895,623,479	-	-	-	1,895,623,479
Warehouse construction at ICD Tan Cang Nhon Trach (*)	366,460,121	25,201,692,156	-	-	25,568,152,277
Repair of the revetment protecting Tan Cang Nhon Trach barge berth	-	4,090,723,497	-	(4,090,723,497)	-
Other projects	826,741,734	2,073,035,971	-	(573,337,084)	2,326,440,621
<b>Total</b>	<b>3,408,141,075</b>	<b>35,447,911,816</b>	<b>(4,113,775,933)</b>	<b>(4,952,060,581)</b>	<b>29,790,216,377</b>

(\*) The investment project for warehouse construction at Tan Cang Nhon Trach ICD (15-hectare zone) has a total investment of VND 41,629,655,828, with completion expected in the second quarter of 2026.

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)****11. Short-term trade payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>210,965,579,449</i>	<i>218,825,294,774</i>
Tan Cang Ben Thanh Corporation	116,084,289,194	140,422,506,082
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	31,409,133,142	29,691,170,956
Tan Cang Container Services JSC.	29,088,484,694	19,947,820,777
Dong Nai Newport Logistics JSC.	26,240,880,207	19,121,671,023
Tan Cang Technical Services JSC.	5,468,466,820	8,801,507,909
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	2,102,131,612	491,656,091
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	170,745,400	42,920,000
Tan Cang Warehousing JSC.	155,567,930	50,447,070
Tan Cang Waterway Transport JSC.	110,747,520	148,758,120
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	43,217,000	35,357,000
Phu Huu – Newport Corporation	25,957,800	15,874,920
Tan Cang Hiep Luc JSC.	-	28,169,856
Tan Cang Overland Transport JSC.	64,508,130	27,434,970
Tan Cang HMM Logistics JSC.	1,450,000	-
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>43,949,035,226</i>	<i>61,294,130,958</i>
<b>Total</b>	<b><u>254,914,614,675</u></b>	<b><u>280,119,425,732</u></b>

The Company has no overdue trade payables.

**12. Taxes and other obligations to the State Budget**

	<u>Beginning balance</u>	<u>Amount payable during the year</u>	<u>Amount already paid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
VAT on local sales	-	18,241,715,796	(12,002,271,094)	6,239,444,702
Corporate income tax	10,368,490,106	33,191,663,820	(31,648,681,708)	11,911,472,218
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,277,903,490	-	(1,277,903,490)	-
Personal income tax	417,630,379	7,663,941,071	(7,842,577,208)	238,994,242
Foreign contractor tax	-	83,551,881	(83,551,881)	-
License duty	-	5,000,000	(5,000,000)	-
<b>Total</b>	<b><u>12,064,023,975</u></b>	<b><u>59,185,872,568</u></b>	<b><u>(52,859,985,381)</u></b>	<b><u>18,389,911,162</u></b>

**Value added tax (VAT)**

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

**Corporate income tax (CIT)**

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)**

Estimated CIT payable during the year is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total accounting profit before tax	177,669,019,931	166,842,554,150
Increases/ (decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:		
- Increases		
<i>Non-deductible expenses</i>	2,356,008,017	4,806,484,567
<i>Exchange loss due to the revaluation of ending balances of cash</i>	6,441,980,667	4,806,565,588
<i>Exchange gain due to the revaluation of ending balances of cash in the previous year which is realized in the current year</i>	5,909,943,847	4,806,518,870
- Decreases		
<i>Exchange gain due to the revaluation of ending balances of cash</i>	531,955,799	-
<i>Adjustment of taxable income for the 2024 tax period in accordance with the conclusions of the State Audit Minutes dated 25 June 2025</i>	81,021	46,718
	(4,085,972,650)	(81,021)
	-	(81,021)
	(4,085,972,650)	-
Income subject to tax	180,025,027,948	171,649,038,717
Income exempted from tax (income from dividends)	(19,173,540,497)	(19,308,283,963)
Taxable income	160,851,487,451	152,340,754,754
CIT rate	20%	20%
<b>CIT payable</b>	<b>32,170,297,490</b>	<b>30,468,150,951</b>
<i>Adjustments of CIT of the previous years</i>	<i>1,021,366,330</i>	<i>-</i>
<b>Total CIT to be paid</b>	<b>33,191,663,820</b>	<b>30,468,150,951</b>

The CIT liability of the Company is determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Financial Statements could change when being inspected by the Tax Authorities.

**Other taxes**

The Company declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

**13. Short-term accrued expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	<i>10,402,735,915</i>	<i>14,680,217,982</i>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	10,402,735,915	5,414,784,322
<i>Land rental and infrastructure rental costs</i>	<i>8,807,365,009</i>	<i>3,372,386,322</i>
<i>Expenses for transportation, loading and unloading</i>	<i>1,595,370,906</i>	<i>2,042,398,000</i>
Tan Cang Ben Thanh Corporation - Expenses for transportation, loading and unloading, and yard storage	-	9,265,433,660
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>24,540,149,437</i>	<i>14,801,396,585</i>
Interest expenses	1,886,629	22,884,171
Expenses for transportation, loading and unloading	24,538,262,808	11,535,428,656
Expenses for yard storage	-	3,243,083,758
<b>Total</b>	<b>34,942,885,352</b>	<b>20,216,180,907</b>

# TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

### 14. Other payables

#### 14a. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<b>7,793,540,443</b>	<b>19,391,273,904</b>
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	10,598,617,337
- BCC contribution capital	-	6,000,000,000
- Payable for profit distributed from BCC results	-	4,598,617,337
Dong Nai Newport Logistics JSC.	280,909,200	2,930,563,532
- BCC contribution capital <sup>(i)</sup>	-	1,500,000,000
- Deposit for hiring office	280,909,200	280,909,200
- Payable for profit distributed from BCC results <sup>(i)</sup>	-	1,149,654,332
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	-	21,000,000
Tan Cang Pilot One Member LLC - profit distributed from BCC results <sup>(i)</sup>	7,512,631,243	5,841,093,035
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<b>22,024,290,754</b>	<b>14,226,660,370</b>
Trade Union's expenditure	819,501,700	357,370,549
Social insurance premiums, health insurance premiums	910,211,652	807,034,261
Dividends payable	6,343,778,455	6,349,573,989
Short-term deposits received	1,251,806,100	100,000,000
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - profit distributed from BCC results <sup>(i)</sup>	2,299,656,040	2,299,656,040
Golden Lotus Investment and Service Trading Co., Ltd. - profit distributed from BCC results <sup>(i)</sup>	1,114,358,845	-
Payable for container deposit received on behalf	6,220,797,269	2,391,772,510
Other short-term payables	3,064,180,693	1,921,253,021
<b>Total</b>	<b><u>29,817,831,197</u></b>	<b><u>33,617,934,274</u></b>

#### 14b. Other long-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<b>20,750,000,000</b>	<b>20,813,210,000</b>
Tan Cang Information Technology Solutions JSC. - Deposit for office rental	-	63,210,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company - BCC contribution capital <sup>(ii)</sup>	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company - Deposit for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<b>55,144,860,104</b>	<b>15,318,416,504</b>
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - BCC contribution capital <sup>(i)</sup>	-	12,500,000,000
Golden Lotus Investment and Service Trading Co., Ltd. - BCC contribution capital <sup>(i)</sup>	12,500,000,000	-
Long-term deposits received	42,644,860,104	2,818,416,504
Best Trading and Investment Pte. Ltd <sup>ii</sup>	41,045,249,700	-
Others	1,599,610,404	2,818,416,504
<b>Total</b>	<b><u>75,894,860,104</u></b>	<b><u>36,131,626,504</u></b>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)**

- (i) According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Logistics and Trade Investment JSC. ("Union One") (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. On 20 December 2024, Union One transferred the entire capital contribution to Golden Lotus. The Company is the representative of the BCC, with a contract term of 50 years.
- (ii) Deposits received for refrigerated warehouse rental at Tan Cang Nhon Trach Port, with a 20-year lease term from the date of handover. Up to the present, the warehouse is in the process of construction and has not yet been handed over for lease.

**14c. Overdue debts**

The Company has no other overdue payables.

**15. Borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB") - Head Office - Short-term loans (*)	-	25,000,000,000
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") - Saigon Branch - Current portions of long-term loans	1,811,700,252	7,249,712,000
<b>Total</b>	<u>1,811,700,252</u>	<u>32,249,712,000</u>

The Company has solvency to repay loans.

- (\*) This represents the loan arising from the Credit Agreement dated 24 January 2018 to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" at Lot 11, Residential Quarter 1, Thanh My Loi Ward, District 2, Thu Duc City, Ho Chi Minh City. Total amount under Credit Agreement is VND 62,500,000,000 within 18 months starting from the first withdrawal date. The loans are required to be repaid in 28 equal installments for each quarter, starting on the 15<sup>th</sup> month starting from the first withdrawal date. The floating interest rate are applied as of the disbursement date (the applicable interest rate in 2025 was 7 - 8% per annum). Collateral includes land use right and constructions on the land financed by the loan.

Details of increases/ (decreases) in loans during the year are as follows:

	Short-term loans from banks	Current portions of long-term loans	Long-term loans	Total
Beginning balance	25,000,000,000	7,249,712,000	1,811,700,252	34,061,412,252
Amount of loans incurred	-	-	-	-
Transfer to current portions of long-term loans	-	1,811,700,252	(1,811,700,252)	-
Amount of loan repaid	(25,000,000,000)	(7,249,712,000)	-	(32,249,712,000)
<b>Ending balance</b>	<u>-</u>	<u>1,811,700,252</u>	<u>-</u>	<u>1,811,700,252</u>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (Cont.)

**16. Bonus and welfare funds**

	Bonus fund	Welfare fund	Bonus fund for the Executive Officers	Total
Beginning balance	9,675,898,900	8,756,837,462	-	18,432,736,362
Increase due to appropriation from profit	12,433,779,744	12,433,779,744	767,841,328	25,635,400,816
Increase due to allocation from the Parent Company	23,000,000	-	-	23,000,000
Disbursement in the year	(4,487,300,000)	(8,090,275,920)	(767,841,328)	(13,345,417,248)
Other decreases	(1)	-	-	(1)
<b>Ending balance</b>	<b>17,645,378,643</b>	<b>13,100,341,286</b>	<b>-</b>	<b>30,745,719,929</b>

**17. Owners' equity****17a. Statement of changes in owners' equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Total
<b>Year 2024</b>					
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	157,824,904,656	70,807,650,325	550,929,041,319
Profit of the year	-	-	-	136,374,403,199	136,374,403,199
Dividends declared	-	-	-	(70,160,060,957)	(70,160,060,957)
Appropriation to funds from profit of the previous year	-	-	-	(647,589,368)	(647,589,368)
Appropriation to funds from the profit of the current year	-	-	40,912,320,960	(64,313,484,618)	(23,401,163,658)
<b>Ending balance</b>	<b>301,584,360,000</b>	<b>20,712,126,338</b>	<b>198,737,225,616</b>	<b>72,060,918,581</b>	<b>593,094,630,535</b>

**Year 2025**

Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	198,737,225,616	72,060,918,581	593,094,630,535
Profit of the year	-	-	-	144,477,356,111	144,477,356,111
Dividends declared	-	-	-	(71,293,077,254)	(71,293,077,254)
Appropriation to funds from profit of the previous year	-	-	-	(767,841,327)	(767,841,327)
Appropriation to funds from the profit of the current year	-	-	43,343,206,833	(68,210,766,321)	(24,867,559,488)
<b>Ending balance</b>	<b>301,584,360,000</b>	<b>20,712,126,338</b>	<b>242,080,432,449</b>	<b>76,266,589,790</b>	<b>640,643,508,577</b>

**17b. Details of owners' capital contribution**

	Ending balance	Beginning balance
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
<b>Total</b>	<b>301,584,360,000</b>	<b>301,584,360,000</b>

**17c. Shares**

	Ending balance	Beginning balance
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares repurchased	-	-
Number of outstanding ordinary shares	30,158,436	30,158,436

Face value per outstanding share: VND 10,000.

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)****17d. Profit distribution**

During the year, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2025 Annual General Meeting of Shareholders No. 179/NQ-DHDCDTN.2025 dated 4 April 2025, as follows:

	VND
<b>Distribution of profit after tax of 2024</b>	
• Dividends declared to shareholders	71,293,077,254
• Appropriation to the Executive Officers' bonus fund	767,841,328
• Reduction in the appropriation to bonus and welfare funds	1
<b>Temporary distribution of profit after tax of 2025</b>	
• Appropriation to investment and development funds (30% of profit after tax)	43,343,206,833
• Appropriation to bonus and welfare funds (25% of actual payroll fund)	24,867,559,488

**18. Off-Balance Sheet items**

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 1,536,702.88 (beginning balance: USD 65.34).

**VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT****1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from transportation, loading and unloading services	284,997,731,951	255,968,305,426
Revenue from depot services	1,427,767,889,964	1,254,366,725,250
Revenue from other services	64,714,212,153	70,526,321,045
<b>Total</b>	<b><u>1,777,479,834,068</u></b>	<b><u>1,580,861,351,721</u></b>

**1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties**

Besides transactions of rendering of services to the subsidiary and the associates as presented in Note V.2b, the Company also has transactions of rendering of services to related parties which are not the subsidiary or the associates as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	800,700,896,597	812,317,102,568
Tan Cang Warehousing JSC.	3,242,920,262	3,506,759,677
Tan Cang Overland Transport JSC.	3,888,415,000	3,602,790,962
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,611,796,312	1,908,271,778
Phu Huu – Newport Corporation	763,296,500	705,011,723
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	307,352,500	526,662,500
Tan Cang Hiep Luc JSC.	214,731,000	250,535,600
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	1,524,075,000	3,317,111,704
Tan Cang - Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	-	54,581,091
Tan Cang Container Services JSC.	1,748,921,186	1,065,728,151
Binh Duong Newport Logistics JSC.	-	187,962,963
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	5,315,920,065	5,309,995,446
Tan Cang Maritime Services JSC.	23,415,074	29,489,000

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)****2. Costs of sales**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of services rendered	1,533,408,633,412	1,338,011,635,346

**3. Financial income**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest income from term deposits at banks	9,626,435,611	6,433,394,517
Interest income from demand deposits at banks	83,450,792	20,080,417
Dividends and profit received	19,173,540,497	19,308,283,963
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	-	81,021
<b>Total</b>	<b><u>28,883,426,900</u></b>	<b><u>25,761,839,918</u></b>

**4. Financial expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	522,155,654	503,814,945
Exchange loss arising from transactions in foreign currencies	1,231,337	-
Exchange loss due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	446,370,299	-
Provisions for impairment of financial investments	(8,230,443,460)	2,134,286,371
<b>Total</b>	<b><u>(7,260,686,170)</u></b>	<b><u>2,638,101,316</u></b>

**5. Selling expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Commission expenses	27,376,849,376	24,134,310,883
Expenses for external services	2,844,480,000	3,262,685,184
Other expenses	2,076,856,731	2,839,953,300
<b>Total</b>	<b><u>32,298,186,107</u></b>	<b><u>30,236,949,367</u></b>

**6. General and administration expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	38,273,507,480	37,247,366,573
Office supplies	1,028,932,086	848,818,637
Depreciation/amortization of fixed assets	699,903,399	737,975,855
Taxes, fees and legal fees	827,657,951	410,071,027
Allowance for doubtful debts	-	103,708,462
Expenses for external services	8,495,597,848	8,256,715,821
Other expenses	21,154,756,422	21,272,827,882
<b>Total</b>	<b><u>70,480,355,186</u></b>	<b><u>68,877,484,257</u></b>

**7. Earnings per share ("EPS")**

The information on EPS is presented in the Consolidated Financial Statement.

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)****8. Operating costs by factors**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	38,836,243,499	46,576,382,463
Labor costs	112,909,967,479	107,971,018,501
Depreciation/amortization of fixed assets (*)	24,617,637,625	24,986,299,848
Expenses for external services	1,425,649,430,928	1,226,550,794,060
Other expenses	34,173,895,174	31,041,574,098
<b>Total</b>	<b><u>1,636,187,174,705</u></b>	<b><u>1,437,126,068,970</u></b>
(*) Total depreciation expenses during the year (Notes V.8, V.9)	25,568,794,006	26,440,537,692
Depreciation expenses allocated to BCC's party	<u>(1,651,059,780)</u>	<u>(1,454,237,844)</u>
<b><i>Depreciation expenses of the Company</i></b>	<b><u>24,617,637,625</u></b>	<b><u>24,986,299,848</u></b>

**VII. OTHER DISCLOSURES****1. Operating lease commitments***The Company as a lessee*

<u>Lessor</u>	<u>Location</u>	<u>Term</u>
Quang Minh Investment Construction Transport JSC.	16,069.2 m <sup>2</sup> in Cat Lai Industrial Park	From 1 November 2023 to 31 December 2028
Tincons Co., Ltd.	39,048 m <sup>2</sup> in Di An Ward, Ho Chi Minh City	From 5 September 2023 to 12 February 2029

The total minimum lease payment in the future for irrevocable leasing agreements will be settled as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within 1 year	32,832,091,542	49,064,725,466
Over 1 year to 5 years	76,551,008,686	93,436,306,136
Over 5 years	-	-
<b>Total</b>	<b><u>109,383,100,228</u></b>	<b><u>142,501,031,602</u></b>

**2. Transactions and balances with the related parties**

The related parties of the Company include: the key management personnel, the key management personnel's related individuals, and other related parties.

**2a. Transactions and balances with the key management personnel and their related individuals**

The key management personnel include the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS") and the Executive Officers (the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant). The key management personnel's related individuals are their close family members.

*Outstanding balances with the key management personnel and their related individuals*

The Company has no transactions or outstanding balances with the key management personnel and their related individuals.

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)***Compensation of the key management personnel*

		Salary and allowances	Executive Officers' bonus fund	Remuneration	Total compensation
Mr. Vu Ngoc Huong	Chairman (from 4 April 2025)	547,835,852	-	-	547,835,852
Mr. Le Hoang Linh	Chairman (to 4 April 2025)	1,017,740,898	105,389,986	-	1,123,130,885
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,292,312,746	99,367,701	60,000,000	1,451,680,448
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	-	60,222,849	60,000,000	120,222,849
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	-	60,222,849	60,000,000	120,222,849
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	801,076,290	60,222,849	60,000,000	921,299,139
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	-	60,222,849	60,000,000	120,222,849
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	583,483,836	48,178,279	30,000,000	661,662,115
Ms. Nguyen Thi Huyen	BOS Member (from 17 June 2025)	-	-	15,000,000	15,000,000
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member (to 17 June 2025)	-	48,178,279	15,000,000	63,178,279
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	888,850,377	60,222,849	-	949,073,227
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	857,085,931	60,222,849	-	917,308,780
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	795,421,368	60,222,849	-	855,644,218
<b>Total</b>		<b>6,783,807,299</b>	<b>722,674,191</b>	<b>360,000,000</b>	<b>7,866,481,490</b>
<b>Previous period</b>					
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	1,362,950,615	87,175,492	-	1,450,126,107
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,290,853,186	82,194,035	60,000,000	1,433,047,221
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	-	49,814,567	60,000,000	109,814,567
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	-	49,814,567	60,000,000	109,814,567
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	420,276,773	49,814,567	60,000,000	530,091,340
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	-	49,814,567	60,000,000	109,814,567
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	605,790,504	39,851,653	30,000,000	675,642,157
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member	-	39,851,653	30,000,000	69,851,653
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	825,746,821	49,814,567	-	875,561,388
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	884,860,269	49,814,567	-	934,674,836
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	842,590,269	49,814,567	-	892,404,836
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	749,254,932	49,814,567	24,000,000	823,069,499
<b>Total</b>		<b>6,982,323,370</b>	<b>647,589,369</b>	<b>384,000,000</b>	<b>8,013,912,739</b>

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)****2b. Transactions and balances with the related parties**

Other related parties of the Company during the year include:

<b>Name</b>	<b>Relationship</b>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation ("SNP")	Parent Company
Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company	Subsidiary
Hai Phong – 128 Tan Cang Joint Stock Company	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Saigon Joint Stock Company	Associate
Tan Cang Construction Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Song Than ICD Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Warehousing Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
ICD Tan Cang - Long Binh Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Overland Transport Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Technical Services Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang - Cai Mep Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Information Technology Solutions Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Hiep Phuoc Port Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	Entity within the same Group of SNP
Phu Huu – Newport Corporation	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Hiep Luc Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Cat Lai Port Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Container Services Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang - Tay Ninh Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services Joint Stock Company	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Shipping Warehouse Service Company Limited	Entity within the same Group of SNP
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	Entity within the same Group of SNP

**Transactions with other related parties**

Apart from transactions with the subsidiary and the associates as presented in Note V.2b as well as transactions of rendering of services to other related parties which are not the subsidiary or associates as presented in Note VI.1b, the Company also has other significant transactions with other related parties as follows:

	<b>Current year</b>	<b>Previous year</b>
<b>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</b>		
Using services rendered by the Parent Company	24,595,551,789	13,985,586,710
Dividends payable to the Parent Company	36,360,581,970	35,782,725,977
<b>Cat Lai Port JSC.</b>		
Dividends receivable	3,304,125,000	3,217,500,000
<b>Using services rendered by related parties:</b>		
Tan Cang Overland Transport JSC.	506,188,180	264,627,000
Tan Cang Waterway Transport JSC.	915,894,000	3,841,429,000
Tan Cang Technical Services JSC.	34,570,986,945	40,037,834,325
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	4,011,090,103	3,116,341,031
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	59,294,400	138,848,600

**TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

Address: 470 Dong Van Cong, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fiscal year ended 31 December 2025

**Notes to the Financial Statements (Cont.)**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Phu Huu – Newport Corporation	212,622,000	229,156,000
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	421,727,556	334,234,049
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	-	861,111
Tan Cang Hiep Luc JSC.	103,506,300	100,395,500
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	60,787,038	31,870,365
Tan Cang Container Services JSC.	51,020,167,675	37,452,132,109
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	536,145,779	568,209,332
Tan Cang Warehousing JSC.	653,568,518	443,731,750

*Outstanding balances with other related parties*

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.3, V.5a, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

**3. Segment information**

The Company only operates in the field of providing transportation, forwarding, stevedoring services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Company does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

**4. Subsequent events**

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Financial Statements.

Prepared on 6 March 2026

Prepared by



---

Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



---

Pham Thi Thu Ha

Director



---

Le Van Cuong